TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2019/HS-ST
Ngày: 21/8/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đình Ghi;

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Đình Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 139/2019/HSST ngày 28 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc H (tên gọi khác: B), sinh ngày 20 tháng 10 năm 1996 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 và bà Phan Thị Cẩm L, sinh năm 1970; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

* *Quá trình nhân thân:* Lúc nhỏ ở với bố mẹ tại xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, đi học văn hóa đến lớp 9/12 thì nghỉ học, sau đó ở nhà phụ giúp việc gia đình cho đến ngày gây án.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

2. Lê Văn L (tên gọi khác: L), sinh ngày 22 tháng 11 năm 2000 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn X, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Phục vụ đám cưới; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn V, sinh năm 1972 và bà Trần Thị Kim Ph, sinh năm 1978; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

* *Quá trình nhân thân:* Lúc nhỏ ở với bố mẹ tại xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, đi học văn hóa đến lớp 9/12 thì nghỉ học, sau đó ở nhà phụ giúp việc gia đình cho đến ngày gây án.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

3. Lê Ch, sinh ngày 08 tháng 12 năm 1986 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L, sinh năm 1968 và bà Hoàng Thị C, sinh năm 1966; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

* *Quá trình nhân thân:* Lúc nhỏ ở với bố mẹ tại xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, đi học văn hóa đến lớp 12/12 tiếp tục học Đại học dân Lập H, sau đó ra trường ở nhà phụ giúp việc gia đình cho đến ngày gây án.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

4. Trương Quang M, sinh ngày 06 tháng 12 năm 1998 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn X, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Nh, sinh năm 1958 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1958; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

* *Quá trình nhân thân:* Lúc nhỏ ở với bố mẹ tại xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, đi học văn hóa đến lớp 12/12 thì nghỉ học, sau đó ở nhà phụ giúp việc gia đình cho đến ngày gây án.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

5. Lê Cao Ng (tên gọi khác: Nh), sinh ngày 08 tháng 5 năm 1998 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Thôn Q, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê L, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

* *Quá trình nhân thân:* Lúc nhỏ ở với bố mẹ tại xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, đi học văn hóa đến lớp 7/12 thì nghỉ học, sau đó ở nhà phụ giúp việc gia đình cho đến ngày gây án.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh ngày 14/11/1962.

Địa chỉ: Thôn Q, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

**** Người làm chứng:***

1. Anh Đặng Duy T, sinh ngày 01/4/1998.

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 15/02/2019, sau khi cùng nhau ăn nhậu tại thôn S, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nguyễn Ngọc H, Lê Văn L, Lê Ch, Trương Quang M, Lê Cao Ng và Đặng Duy T (sinh năm 1998; trú tại thôn N, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế) rủ nhau đi hát karaoke tại quán "Cà phê Ph" ở xã L, huyện P. T góp 100.000đồng để đi hát, sau đó tới quán trước. Còn lại H, L, Ch, M và Ng thống nhất với nhau góp mỗi người 200.000đồng đi mua ma túy về sử dụng, số tiền còn lại sẽ dùng để trả tiền hát karaoke. Do M đã trả tiền ăn nhậu trước đó, nên không phải góp thêm, những người còn lại góp được tổng cộng 1.200.000đồng *(Một triệu hai trăm nghìn đồng)*.

Sau khi góp tiền, Ch đưa cho H số điện thoại của người bán ma túy để liên hệ. H cầm tiền và sử dụng xe mô tô biển số X mượn của Ng, chở L lên thành phố H để mua ma túy về cho cả nhóm sử dụng, những người còn lại đi đến quán karaoke như đã hẹn để đợi H và L. Khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày thì H, L lên đến thành phố H. Tại H, H sử dụng điện thoại của mình liên lạc theo số điện thoại mà Ch đưa trước đó, thì được một nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) hẹn H tới đường H, phường X, thành phố H (đoạn qua trước cổng nhà thi đấu) để giao dịch mua bán ma túy. Tại đây, H và L được hai thanh niên lạ mặt bán cho 03 (ba) viên ma túy tổng hợp với giá 1.050.000đồng *(Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)*. Sau khi mua được ma túy, H và L chuẩn bị điều khiển xe mô tô quay về lại P, thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố H phát hiện, bắt quả tang.

** Vật chứng thu giữ gồm:*

- Một (01) gói ni lông màu trắng có viền màu đỏ, bên trong có chứa 03 (ba) viên nén màu xanh được niêm phong kín bằng phong bì màu trắng và băng keo trong, bên ngoài có chữ ký ghi họ tên Nguyễn Ngọc H, Lê Văn L và Điều tra viên Võ Phi S, 01 (một) dấu tròn đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H.

- Một (01) chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu đen.

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave biển số X mà Nguyễn Ngọc H đã sử dụng làm phương tiện lên thành phố Huế mua ma túy. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô này là của bà Nguyễn Thị C (sinh năm 1962 là mẹ của Ng) mua lại của ông Hoàng Xuân V (trú tại 34 P, phường K, thành phố H) nhưng chưa làm thủ tục sang tên chủ sở hữu. Ngày 15/202/2019, bà C cho Ng mượn chiếc xe này để đi chơi với bạn, sau đó Ng cho H mượn. Bà C không biết việc Ng cho H mượn xe để đi mua ma túy. Do vậy, Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ chiếc xe này có căn cứ.

Tại bản Kết luận giám định số 69/GĐ ngày 18/02/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận:

+ 03 (Ba) viên nén màu xanh gửi giám định (nêu tại mục 1.1, phần II) có khối lượng là 1,1933g (một phẩy một chín ba ba gam) là ma túy, loại MDMA.

Hoàn lại đối tượng giám định cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H gồm:

+ 0,8933g (không phẩy tám chín ba ba gam) mẫu bột được nghiền từ 03 (ba) viên nén màu xanh (nêu tại mục 1.1, phần II);

+ Các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định.

Tất cả được niêm phong theo quy định.

Tại Bản cáo trạng số 144/CT-VKS-HS ngày 25/6/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Lê Văn L, Lê Ch, Trương Quang M, Lê Cao Ng về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Giữ nguyên truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Lê Văn L, Lê Ch, Trương Quang M, Lê Cao Ng phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo; áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với 02 bị cáo M và Ng. Đề nghị Hộ đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù; bị cáo Lê Văn L và Lê Ch từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù; bị cáo Lê Cao Ng và Trương Quang M từ 08 đến 10 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 gói ma túy đã giám định được niêm phong kín bằng giấy trắng và băng keo trong bên ngoài có ghi dòng chữ "Hoàn mẫu vật vụ Nguyễn Ngọc H và Lê Văn L, bắt ngày 15/02/2019" và 02 chữ ký ghi họ tên Chu Văn Ph; 02 chữ ký ghi họ tên Võ Phi S; 02 dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế. Cần tịch thu tiêu hủy.

- Đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu nokia màu đen.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Lê Văn L, Lê Ch, Trương Quang M và Lê Cao Ng phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 15/02/2019, tại đường H, phường X, thành phố H (đoạn trước cổng nhà thi đấu), Nguyễn Ngọc H và Lê Văn L có hành vi mua 03 viên ma túy tổng hợp với giá 1.050.000đồng. Qua giám định 03 viên ma túy tổng hợp có khối lượng là 1,1933gam, là ma túy loại MDMA, mục đích mua để các bị cáo sử dụng. Trước đó, Nguyễn Ngọc H, Lê Văn L, Lê Ch, Trương Quang M và Lê Cao Ng đã bàn bạc thống nhất góp tiền để đi mua ma túy về sử dụng chung, nên các bị cáo là đồng phạm trong vụ án. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Lê Văn L, Lê Ch, Trương Quang M và Lê Cao Ng về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với Đặng Duy T, không biết việc các bị cáo bàn bạc góp tiền mua ma túy để sử dụng, nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố H không trúy tố là có căn

cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, thấy rằng: Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có ma túy để sử dụng, các bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, sự phát triển lành mạnh của con người và nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức phạt thích đáng tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Các bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Ngọc H là người gom tiền, trực tiếp điều khiển xe chở L, là người giao dịch để mua ma túy nên bị cáo H có vai trò cao nhất trong vụ án, nên chịu trách nhiệm hình sự chính trong vụ án. Bị cáo L là người cùng bị cáo H đi mua ma túy, bị cáo Ch là người đưa cho H số điện thoại của đối tượng bán, nên vai trò, chịu trách nhiệm hình sự ngang nhau. Bị cáo M và Ng chịu trách nhiệm hình sự sau các bị cáo khác với vai trò, trách nhiệm hình sự ngang nhau trong vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng thêm Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo M và Ng. Tuy nhiên xét thấy ma túy là loại tội phạm nguy hiểm, là nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Nên cần xét xử nghiêm đối với loại tội phạm này nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, nên Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo M và Ng.

[3] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 gói ma túy đã giám định được niêm phong kín bằng giấy trắng và băng keo trong bên ngoài có ghi dòng chữ "Hoàn mẫu vật vụ Nguyễn Ngọc H và Lê Văn L, bắt ngày 15/02/2019" và 02 chữ ký ghi họ tên Chu Văn Ph; 02 chữ ký ghi họ tên Võ Phi S; 02 dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế. Cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu nokia màu đen. Cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[5]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Lê Văn L, Lê Ch, Trương Quang M và Lê Cao Ng phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Lê Văn L, Lê Ch, Trương Quang M và Lê Cao Ng phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H (tên gọi khác: B) 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lê Văn L (tên gọi khác: L) 01 (Một) năm 01 (Một) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lê Ch 01 (Một) năm 01 (Một) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trương Quang M 01 (Một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lê Cao Ng (tên gọi khác: Nh) 01 (Một) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 gói ma túy đã giám định được niêm phong kín bằng giấy trắng và băng keo trong bên ngoài có ghi dòng chữ "Hoàn mẫu vật vụ Nguyễn Ngọc H và Lê Văn L, bắt ngày 15/02/2019" và 02 chữ ký ghi họ tên Chu Văn Ph; 02 chữ ký ghi họ tên Võ Phi S; 02 dấu tròn của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế. Cần tịch thu tiêu hủy.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu nokia màu đen.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/6/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Lê Văn L, Lê Ch, Trương Quang M và Lê Cao Ng mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Án sơ thẩm xét xử công khai, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Dũng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- Phòng PV 06 CA tỉnh TT Huế;
- VKSND TP H;
- Công an thành phố H;
- Chi cục THADS TP H;
- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.